

Số: 120/2022/QĐST-DSST

Đông Anh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 251/2020/TLST - DSST ngày 14 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và ngày tổng đạt hợp lệ biên bản hoà giải thành cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN. Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cán nhân. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Vũ Thị Oanh K.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Phong C**, sinh năm 1988 và bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Đội 2, thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cháu **Đặng Tiến Đ**, sinh ngày 14/12/2013

3.2 Cháu **Đặng Như Q**, sinh ngày 03/10/2015

Cùng trú tại: Đội 2, thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

4. Người đại diện hợp pháp cho cháu Đạt và cháu Quỳnh: Ông **Đặng Phong C**, sinh năm 1988 và bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1987. Cùng trú tại: Đội 2, thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Các bên đương sự thống nhất: Tính đến hết ngày 20 tháng 5 năm 2022, ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN theo các Hợp đồng tín dụng số: **5.148.18.065.HĐTD** ngày 28/9/2018; **3369223.19** ngày 31/8/2019 và đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số MB 01/CC-RB/2019 cho ông **Đặng Phong C** (bên đề nghị vay), tổng số tiền là: **701.962.931** (bảy trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi một) đồng. Cụ thể trong đó số tiền: Nợ gốc: 398.577.321 (ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi một) đồng, nợ lãi trong hạn: 53.819.875 (năm mươi ba triệu, tám trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi năm) đồng, nợ lãi quá hạn: 153.968.781 (một trăm năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm tám mươi một) đồng, nợ phí là: 95.596.954 (chín mươi năm triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đồng.

2/ Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận lịch trình trả nợ như sau:

- Từ ngày 21/5/2022 đến ngày 31/5/2022, ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN 30.000.000 đồng.

- Từ ngày 01/6/2022 đến trước ngày 31/7/2022, ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi (trong hạn và quá hạn), phí sử dụng thẻ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN.

- Số tiền ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN được trừ vào nợ gốc trước, khi trả hết nợ gốc mới trừ vào nợ lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký và đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế.

- Ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** vẫn tiếp tục phải trả lãi suất theo mức lãi suất theo thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số MB 01/CC-RB/2019 đã ký giữa hai bên, tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và khoản nợ Thẻ cho Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng do Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN đã tạm ứng. Hai bên thỏa thuận ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** là người trả chi phí này. Ông **Cảnh**, bà **Mùa** có trách nhiệm trả lại cho của Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN 5.000.000 đồng cùng với thời điểm tất toán hợp đồng tín dụng như đã thỏa thuận nêu trên.

Trường hợp ông **Đặng Phong C** và bà **Vũ Thị M** vi phạm bất kỳ nghĩa vụ

trả nợ theo thỏa thuận như trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý khối tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với đất mang tên ông Đặng Phong C và bà Vũ Thị M là thửa đất số 27(1), tờ bản đồ số 7, diện tích 44.2 m², địa chỉ thửa đất: thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 043299; số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA 22303 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/08/2018 cho ông Đặng Phong C và bà Vũ Thị M.

Trường hợp tài sản phát mại tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán khoản vay thì ông Đặng Phong C và bà Vũ Thị M vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận ông Đặng Phong C và bà Vũ Thị M phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật là: 16.039.000 (mười sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam 12.802.000 (mười hai triệu tám trăm linh hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0017770 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐA;
- Chi cục THADS huyện ĐA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Trung Trực